

UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 1 – Vocabulary: Food

VOCABULARY BOX

1



sugar
/ 'ʃʊɡ.ə /
đường

2



butter
/ 'bʌt.ə /
bơ

3



flour
/ 'flaʊ.ə /
bột

4



chocolate chips
/ ,tʃɑ:k.lət 'tʃɪps /
kẹo sô cô la

5



oil
/ ɔɪl /
dầu

6



milk
/ milk /
sữa

SENTENCES / STRUCTURE

I need ...

- ♥ Minh cần ...
- ★ I need some milk.
- ★ I need a little butter.



A. Match the words with the pictures / Nối từ với hình

- 1 sugar
- 2 butter
- 3 flour
- 4 chocolate chips
- 5 oil
- 6 milk



B. Fill in the missing letters / Điền chữ cái còn thiếu

- 1 s _ gar
- 2 bu _ _ er
- 3 mi _ k

C. Look and write / Nhìn tranh và viết

- 1 _____
- 2 _____
- 3 _____

UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 2 – Vocabulary: Drinks

VOCABULARY BOX

1



soda

/ 'sou.də /

nước ngọt (có gas)

2



smoothie

/ 'smu:ði /

sinh tố

3



tea

/ ti: /

trà

4



lemonade

/ ,lem.ə'neɪd /

nước chanh

5



juice

/ dʒu:s /

nước hoa quả

6



hot chocolate

/ ,hɑ:t 'tʃɑ:k.lət /

sô cô la nóng

SENTENCES / STRUCTURE

Let's + V

Chúng ta hãy ...

♥ Let's make smoothies.

★ I'll bring milk.



A. Circle the odd one out
/ Khoanh tròn từ khác loại

1 soda tea juice bread

2 smoothie lemonade milk tea

3 hot chocolate juice soda rice


B. Unscramble the letters
/ Sắp xếp lại chữ cái


1 smotohie

2 eta

3 eciuj

C. Look and circle
/ Nhìn tranh và khoanh tròn từ đúng

1  soda / tea / juice

2  lemonade / hot chocolate / tea

3  smoothie / juice / milk



UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 3 – Vocabulary Practice 1

1 Choose the odd one out / Chọn từ khác loại


1 sugar butter flour tea


2 milk soda juice oil


3 smoothie lemonade hot chocolate flour


4 chocolate chips sugar butter milk

2 Fill in the missing letters / Điền chữ cái còn thiếu

1  s _ _ a r

2  b _ _ t e r

3  f l _ _ r

4  m _ _ k

5  o _ _

3 Unscramble the letters / Sắp xếp lại chữ cái

1 g a r s u

2 t t e b u r

3 i m l k

4 o c a a h t l e t h c o o c l a e

5 m e o a n l e d

4 Leave one unnecessary letter / Bỏ đi một chữ cái bị thừa

1 s u j g a r

2 m i l p k

3 s o q d a

4 t e q a

5 Match the words with the pictures / Nối từ với hình ảnh

1 sugar 

2 butter 

3 flour 

4 chocolate chips 

5 oil 

6 milk 



UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 4 – Vocabulary Practice 2





1 Look and write / Nhìn tranh và viết từ vựng tương ứng



2 Write the words under the pictures / Viết từ xuống dưới mỗi bức tranh







3 Look, match and write / Nhìn hình, nối với từ gợi ý rồi viết ra từ đó

- | | | | | |
|---|---|-------|---|-------|
| 1  | • | tea | • | |
| 2  | • | oil | • | |
| 3  | • | juice | • | |
| 4  | • | soda | • | |

4 Look, choose and write / Nhìn bảng từ, chọn từ đúng và điền

butter tea juice
flour chocolate chips milk

- | | |
|---|-----------------------------|
| 1  | I need some |
| 2  | We use to make cakes. |
| 3  | I drink every day. |
| 4  | Add to the cookies. |

5 Find and circle the words / Tìm và khoanh tròn từ vựng

- | | | | |
|---|-------|---|-------|
|  | sugar |  | tea |
|  | milk |  | oil |
|  | soda |  | juice |

S	U	G	A	R	M	T	Y	E	A
D	F	G	H	J	K	O	I	L	Z
M	I	L	K	B	N	M	Q	W	X
P	O	A	S	O	D	A	R	T	Y
J	U	I	C	E	V	B	N	M	C

Good job!



UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 5 – Grammar

1 Let's + V

Dùng để rủ ai đó cùng làm gì

- ♥ Let's make smoothies.
- ♥ Let's go to the supermarket.



2 I need + quantity + noun

Dùng để nói nhu cầu / gọi món

- ♥ I need some milk.
- ♥ I need a little butter.
- ♥ I need a lot of flour.
- ♥ I need a few chocolate chips.



QUANTITY BOX

- ♥ a lot of = rất nhiều
- ♥ a little = một ít (không đếm được)
- ♥ some = một ít / một vài
- ♥ a few = một vài (đếm được)

A. Choose the correct answer / Chọn đáp án đúng nhất

- Let's _____ some cookies.
 (a) make (b) making (c) make
- I need _____ milk.
 (a) some (b) a (c) any
- I need _____ chocolate chips.
 (a) a little (b) a (c) any
- I need _____ flour.
 (a) a lot of (b) some (c) few

B. Fill in the blank / Điền từ thích hợp

- I need _____ milk. 
- Let's _____ a cake. 
- I need _____ butter. 
- I need _____ flour. 

C. Complete the sentences / Hoàn thành câu

- Let's go to the _____. 
- I need some _____. 
- I need a little _____. 
- I need a lot of _____. 

D. Match the halves of the sentences / Nối 2 về thành câu có nghĩa

- | | | |
|-------------------|---|----------------------|
| 1 Let's make | • | (a) chocolate chips. |
| 2 I need some | • | (b) butter. |
| 3 I need a little | • | (c) milk. |
| 4 I need a few | • | (d) smoothies. |

E. Look, choose and write / Nhìn tranh, chọn từ và viết

milk ♥ butter ♥ flour ♥ chocolate chips

- 
- 
- 



UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 6 – Speaking & Phonics

1 Listen and repeat / Nghe và lặp lại

- 1  **sugar** /'ʃʊg.ə/
- 2  **butter** /'bʌt.ə/
- 3  **smoothie** /'smu:ði/
- 4  **lemonade** /,lem.ə'neɪd/
- 5  **juice** /dʒu:s/
- 6  **hot chocolate** /,hɑ:t 'tʃɑ:k.lət/

2 Point and say / Chỉ vào tranh và nói

- 1  **It's milk.** 
- 2  **It's tea.** 
- 3  **It's chocolate chips.** 
- 4  **It's lemonade.** 

3 Let's talk / Hỏi và trả lời theo cặp





4 Role-play the conversation / Đóng vai hội thoại



-  **Lucy:** Dad, what do we need?
-  **Dad:** We need some milk.
-  **Lucy:** Do we need sugar?
-  **Dad:** Yes, we do.
-  **Lucy:** Great!

5 Let's chant / Đọc đồng dao

 Milk and smoothies, yum, yum, yum,
 Juice and lemonade, so much fun!
 Butter on bread, sweet and nice,
 We love good food every day! 





UNIT 6: FOOD AND DRINKS



Page 7 – Reading Comprehension 1

Lucy and her dad are at the supermarket.
 Lucy wants to make a cake.
 She needs some butter, a lot of flour,
 a little milk, and a few chocolate chips.
 Dad helps her find the food.
 Then they go home and make
 the cake together.



1 Read and match / Đọc và nối

- | | | |
|-----------------|---|------------------|
| 1 Lucy wants to | • | a make a cake. |
| 2 She needs | • | b find the food. |
| 3 Dad helps her | • | c go home. |
| 4 Then they | • | d some food. |

2 Read and tick True (T) or False (F) / Đúng hay Sai

- | | T | F |
|--|--------------------------|--------------------------|
| 1 Lucy and her mom are at the supermarket. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 Lucy wants to make a cake. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 She needs a lot of flour. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 They make the cake at home. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

3 Read and circle the correct word / Đọc và khoanh tròn từ đúng

- Lucy and her (mom / dad) are at the supermarket.
- Lucy wants to make a (cake / pizza).
- She needs some (butter / cheese), a lot of flour, a little (milk / juice), and a few (chocolate chips / cookies).
- Dad helps her (cook / find) the food.

4 Look, read and tick (✓) or cross (✗) / Nhìn tranh, đọc và đánh dấu

- | | | |
|--|-------------------------------------|--------------------------|
| 1  They are at the supermarket. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2  She needs some butter. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3  She needs a lot of milk. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4  She needs a few chocolate chips. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |



UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 8 – Reading Comprehension 2


★ READING TIME ★

- Lucy:** Dad, I want to make a cake.
Dad: OK. What do you need?
Lucy: I need some butter.
Dad: What else do you need?
Lucy: I need a lot of flour and a little milk.
Dad: Anything else?
Lucy: Yes, I need a few chocolate chips.



1 Read and number / Đọc và đánh số thứ tự

 Lucy says she needs some butter.

 Lucy says she needs a little milk and a lot of flour.

 Dad asks what else Lucy needs.

 Lucy says she needs a few chocolate chips.

2 Read and choose the correct answer / Đọc và chọn đáp án đúng

- Who wants to make a cake?
A Lucy B Dad C Mum
- What does Lucy need first?
A flour B butter C milk
- What else does Lucy need?
A oil B flour C sugar
- What does Lucy need at the end?
A eggs B chocolate chips C salt

3 Read and complete / Đọc và hoàn thành đoạn văn

Lucy wants to make a _____ .
 She needs some _____ .
 She needs a lot of _____
 and a little _____ .
 She also needs a few _____ .

cake butter flour
 milk chocolate chips

4 Read and answer the questions / Đọc và trả lời câu hỏi

1 What does Lucy want to make?



2 What does Lucy need a lot of?



3 What does Lucy need at the end?



5 Choose a word from the box and write it next to numbers 1–5 / Chọn từ trong hộp và điền

milk butter flour cake chocolate chips

-  _____
-  _____
-  _____
-  _____
-  _____





UNIT 6: FOOD AND DRINKS






Page 9 – Writing Tasks

1 Reorder the words to make the correct sentence / Sắp xếp từ thành câu đúng

- 1 need / milk / some / I
.....
- 2 a / let's / make / smoothie
.....
- 3 little / need / I / butter / a
.....
- 4 you / oil / some / need / do / ?
.....

2 Make the questions then answer / Đặt câu hỏi rồi trả lời

- 1  Q:?
A:
- 2  Q:?
A:
- 3  Q:?
A:

3 Look at the pictures then answer / Nhìn tranh rồi trả lời

- 1  What do you need?
A:
- 2  What are they making?
A:
- 3  What is this?
A:

4 Translate into English / Dịch sang tiếng Anh

- 1 Mình cần một ít sữa.
A:
- 2 Chúng ta hãy làm sinh tố.
A:
- 3 Bạn cần bột mì không?
A:
- 4 Mình không cần nhiều đường.
A:

5 Find and correct the mistake / Tìm và sửa lỗi sai

- 1 I need some milks. →
- 2 Let's makes smoothies. →
- 3 Do you need some butter? →
- 4 She need a little oil. →



Let's write
/ Viết đoạn ngắn

Write 3–5 sentences about what you need to make your favorite drink.

.....
.....
.....



UNIT 6: FOOD AND DRINKS

Page 10 – Speaking Picture



Point and say
/ Chỉ và nói



This is milk.



Ask and answer
/ Hỏi và trả lời



A: Do you need some milk?
B: Yes, I do.



Role-play
/ Đóng vai



Let's role-play in the kitchen or the supermarket!